

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10-01-2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ – TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Ngọc Thành và bà Trần Thị Yến Nhi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Khương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 554/2024/TLST-HNGĐ ngày 20/11/2024 về việc tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 204/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/12/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị N – sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Ông Ngô Văn P – sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Bà N, ông P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn xin ly hôn, lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị N trình bày:

Bà và ông Ngô Văn P tiến đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/10/2009.

Trong cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hạnh phúc, ông P chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều người nên vợ chồng xảy ra cãi vã nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay không còn quan tâm chăm sóc nhau, mỗi người có 01 cuộc sống riêng. Vì tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là cháu Ngô Phúc T – sinh ngày 01/11/2009 và cháu Ngô Võ Anh T1 – sinh ngày 15/9/2019. Bà yêu cầu nuôi dưỡng cháu T, cháu T1 và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện nay cháu T, cháu T1 đang ở với bà từ khi vợ chồng sống ly thân.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai bị đơn ông Ngô Văn P trình bày:*

Ông và bà Võ Thị N tiến đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 09/10/2009 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Trong cuộc sống vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm quan sống, cuộc sống chung không hạnh phúc, dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay không còn quan tâm chăm sóc nhau, mỗi người có cuộc sống riêng. Nay tình cảm vợ chồng không còn tình cảm ông đồng ý ly hôn với bà N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là cháu Ngô Phúc T – sinh ngày 01/11/2009 và cháu Ngô Võ Anh T1 – sinh ngày 15/9/2019. Khi ly hôn, ông đồng ý giao cháu T, cháu T1 cho bà N nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện nay cháu T, cháu T1 đang ở với bà N từ khi vợ chồng sống ly thân.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Thư ký, nguyên đơn đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các Điều 85, 89, 90, 91, 92 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị N cho bà Võ Thị N được ly hôn với ông Ngô Văn P.

Về con chung: Giao cháu Ngô Phúc T và cháu Ngô Võ Anh T1 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời, ông P không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà N không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Võ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông Ngô Văn P có nơi cư trú tại ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Bà Võ Thị N yêu cầu khởi kiện ly hôn với ông Ngô Văn P và yêu cầu nuôi dưỡng cháu Ngô Phúc T và cháu Ngô Võ Anh T1 nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Xác định tư cách đương sự: Bà Võ Thị N là nguyên đơn và ông Ngô Văn P là bị đơn theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Tổng đạt văn bản tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Về tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đương sự không có ý kiến gì. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Võ Thị N và ông Ngô Văn P kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/10/2009, theo quy định của pháp luật đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại biên bản lấy lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ khác thể hiện: Bà N yêu cầu được ly hôn ông P vì tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau do cuộc sống chung không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 2020 cho đến nay, mạnh ai người đó sống, không quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Ông Ngô Văn P xác định tình cảm vợ chồng không còn do đã sống ly thân từ tháng 2022 cho đến nay nên đồng ý ly hôn với bà N.

Xét thấy: Hôn nhân của bà N, ông P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N là có cơ sở.

[2.2] Về con chung: Ông Ngô Văn P và bà Võ Thị N có 02 người con chung là cháu Ngô Phúc T – sinh ngày 01/11/2009 và cháu Ngô Võ Anh T1 – sinh ngày 15/9/2019. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, cháu

T1 và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung. Ông P đồng ý giao cháu T, cháu T1 cho bà N nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy: Cháu Ngô Phúc T có nguyện vọng được sống cùng với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn, cháu Ngô Võ Anh T1 còn nhỏ và hiện cháu T, cháu T1 đang ở với bà N và được bà N chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Khi ly hôn, bà N có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu T, cháu T1. Mặt khác, ông P đồng ý giao cháu T, cháu T1 cho bà N nuôi dưỡng khi vợ chồng ly hôn. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cũng như sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần cho con nên căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Ngô Phúc T và cháu Ngô Võ Anh T1 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời, ông P không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà N không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Võ Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận toàn bộ ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 85, Điều 89, Điều 91, Điều 92, Điều 93 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị N.

1. Về hôn nhân: Bà Võ Thị N được ly hôn với ông Ngô Văn P.

2. Về con chung: Ông Ngô Văn P và bà Võ Thị N có 02 người con chung là cháu Ngô Phúc T – sinh ngày 01/11/2009 và cháu Ngô Võ Anh T1 – sinh ngày 15/9/2019.

Giao cho bà Võ Thị N có quyền và nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung là cháu Ngô Phúc T và cháu Ngô Võ Anh T1. Tạm thời, ông P không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà N không yêu cầu.

Ông Ngô Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Võ Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0013673 ngày 20/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Bà N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA dân sự huyện Tân Phú;
- UBND xã Cẩm Sơn, huyện Mộ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (số 119/2009, ngày 09/10/2009) để ghi vào sổ hộ tịch ;
- Lưu (hồ sơ, án văn)/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bá Đức

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Yến Nhi Trịnh Ngọc Thành

Nguyễn Bá Đức